

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HS-ST

Ngày 21 – 01 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thanh Ngọc.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Lưu và ông Đinh Mai Vân.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2024/HSST ngày 06 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Việt A, sinh năm 1995; HKTT: Khu Dương Ổ, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 và bà Đào Thị N, sinh năm 1974; Vợ: Nguyễn Thùy D, sinh năm 1999, con: 01 sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/9/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Ngọc T, sinh năm 1982; HKTT: Thôn Hòa Bình, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Hiện đăng ký tạm trú tại: Khu Dương Ổ, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Anh X, sinh năm 1948 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; Vợ: Hoàng Thanh N, sinh năm 1985, con: 02 lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/9/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Phạm Xuân Đ, sinh năm 1980; HKTT: TDP Nguồn, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 và cháu Phạm Minh Sơn, sinh năm 2021; HKTT: TDP Nguồn, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trương Văn L, sinh năm 1991; HKTT: Thôn Trung Lương, xã T, huyện Tân, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; HKTT: Khu Xuân Ổ A, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/02/2024, Nguyễn Việt A, sinh năm 1995; HKTT: Khu Dương Ổ, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh đã ký hợp đồng thi công xây dựng với Trần Ngọc T, sinh năm 1982; HKTT: Thôn Hòa Bình, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để thuê T dựng nhà xưởng với diện tích khoảng 500m² trên phần đất trống phía cuối thửa đất số CN 24, diện tích 1.615m² tại cụm công nghiệp Phong Khê mở rộng mà Việt A đã ký hợp đồng thuê nhà xưởng từ ngày 21/9/2023 với Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại H; Địa chỉ: Cụm công nghiệp Phong Khê II, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh do ông Nguyễn Anh T – Giám đốc là đại diện theo pháp luật. Theo hợp đồng thi công xây dựng, Việt A cung cấp vật tư đảm bảo chất lượng, số lượng, T thi công theo thiết kế đảm bảo kỹ thuật, chất lượng, đảm bảo an toàn cho người lao động. Tuy nhiên, quá trình thuê T thi công, Việt A không có bản vẽ thiết kế thi công để cung cấp cho T, không xin giấy phép xây dựng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không có người giám sát thi công theo quy định. Bản thân T không đăng ký kinh doanh, không có đủ năng lực, điều kiện hành nghề liên quan đến lĩnh vực xây dựng hay hàn xì. Việt A biết T không có đủ năng lực hành nghề xây dựng nhưng vẫn ký hợp đồng thuê T dựng nhà xưởng. T biết Việt A không có giấy phép xây dựng, không có bản vẽ thi công nhưng vẫn đồng ý thi công cho Việt A.

Để thi công nhà xưởng theo hợp đồng ký kết với Việt A, T thuê nhóm thợ gồm Phạm Xuân Đ, sinh năm 1980; HKTT: TDP Nguồn, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Vũ Văn Q, sinh năm 1990; HKTT: Thôn Khuyến Công, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam và Nguyễn Ngọc Dương, sinh năm 1992; HKTT: Xóm 2, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là nhóm thợ hàn xì để dựng khung nhà xưởng. Quá trình thi công, cần kéo các tấm Fibro xi măng lên trên mái nhà xưởng nên T

đã thuê xe ô tô tải có cần cẩu BKS 99C-129.39 của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; HKTT: Khu Xuân Ổ A, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/3/2024, anh Trương Văn L, sinh năm 1991; HKTT: Thôn Trung Lương, xã T, huyện Tân, tỉnh Nghệ An (là lái xe cho chị Thạch) điều khiển xe ô tô BKS 99C-129.39 cùng với phụ xe là anh Trương Văn Bình, sinh năm 1990; HKTT: Thôn Trung Lương, xã T, huyện Tân, tỉnh Nghệ An đến nhà xưởng của Việt A để tiến hành cẩu các tấm Fibro xi măng lên trên mái. Lúc này, anh Đ trèo lên mái để tháo cáp móc các tấm Fibro xi măng ra khỏi cần cẩu. Quá trình thi công, bất ngờ phần khung nhà xưởng bị gãy đổ sập, khiến anh Đ ngã từ trên mái nhà xưởng xuống đất bị thương được đưa đi cấp cứu cùng ngày anh Đ tử vong, anh L bị tấm Fibro xi măng rơi vào người bị thương.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 86/KH ngày 08/4/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh đối với thương tích của anh Trương Văn L: Bệnh nhân được chuẩn đoán đa chấn thương, chấn thương gãy khung chậu, chấn thương vùng tiểu khung, chấn thương ngực do ngã cao

Vật chứng thu giữ: 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, loại xe có cần cẩu, BKS: 99C-129.39 đã qua sử dụng.

*** Khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra tai nạn** tại nhà xưởng công ty TNHH thương mại, sản xuất Hoàng Thái thuộc cụm công nghiệp II, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh có phía bắc giáp nhà xưởng của Công ty TNHH Trung Đức, phía tây giáp đường nghĩa trang gồm phần xưởng cũ ở đầu hồi phía tây có kích thước (52,56x17)m, xưởng mới đang xây dựng có kích thước (36x17)m ở phần đầu hồi phía đông. Khung mái của 2 xưởng có độ cao 8m. Cửa ra vào xưởng ở phía tây có kích thước (6x6)m. Trong phần xưởng cũ có nhà điều hành có kích thước 1 sàn là (5,2x14)m nằm ở góc phía tây bắc.

Phần xưởng đang thi công: Đã dựng các trụ đứng ở hai dãy sát tường phía nam và tường phía bắc, một phần thanh xà ngang ở phía nối với xưởng cũ. Các trụ ở phía nam và phía bắc gồm có 5 trụ, trụ phía nam đánh số từ N1 đến N5, trụ phía bắc đánh số từ B1 đến B5 theo tứ tự từ tây sang đông. Các trụ cùng dãy cách nhau 6m, có kích thước là (0,3x0,15)m có độ cao là 8m, ngoại trừ trụ B4 và B5 gắn phía trên công trình phụ có độ cao là 4m. Từ mép xưởng cũ đến trụ B1 và N1 là 6m, từ trụ N5 và B5 đều cách mép cuối xưởng mới là 6m. Nối giữa trụ N5 với B5 là dầm D5 còn nguyên vẹn trên khung mái, các dầm khác nối của trụ N1 với B1, N2 với B2, N3 với B3, N4 với B4 nằm rải rác trên nền xưởng. Các thanh xà ngang theo chiều đông tây, nối với phần xưởng cũ cách nhau là 1m, tương ứng 17 vị trí nối hàn với phần xưởng cũ, đánh số lần lượt là X1 đến X17 theo hướng từ nam ra bắc. Mỗi thanh xà là phi rồng có đường kính là 0,08m, mỗi thanh dài 6m. Trên nền có rải rác đất, bê tông, các ống kim loại, các tấm

mái Fibro xi măng xếp thành khối vỡ nứt, các tấm Fibro xi măng còn nguyên vẹn có kích thước là (0,9 x 0,005)m. Trên nền nhà xưởng cách trụ N2 là 2m, cách trụ N1 là 6,6m phát hiện 01 thanh kim loại kích thước (6x0,756x0,0021) m bị gãy gập, vị trí gãy gập cách một đầu là 1,43m. Tại vị trí gãy gập phát hiện dấu vết biến dạng, mài trượt kim loại, bề mặt sáng ánh kim, có kích thước là (0,13x0,07)m, bên vị trí gãy gập phát hiện dấu vết dạng bám dính chất dầu loang, kích thước (0,36x0,04)m tương ứng cùng mặt với đầu còn lại có vết hàn kim loại. Trên hầu hết các thanh xà kim loại phát hiện các vết hàn nham nhở, không đều. Trên các dầm ngang tại đầu các dầm phát hiện thấy các thanh thép hình chữ L được hàn dính vào dầm. Tại vị trí đầu dầm liên kết với trụ có vết hàn bị oxy hoá, ngả màu vàng và một số vết hàn bị đứt còn sáng kim loại. Trên khu vực xưởng mới, tại vị trí cách cột trụ N2 là 1,6m, cách cột trụ N1 là 6,7m phát hiện dấu vết màu nâu đỏ bám dính trên thanh ống kim loại và tấm tôn trên diện (0,3x0,2)m.

Khám nghiệm tử thi anh Nguyễn Xuân Đ: Vùng trán đỉnh bên phải sát với đường giữa và sau đường chân tóc trán 7cm có vết rách da nằm chéo KT(9x2,5)cm, bờ mép vết thương tương đối gọn, sâu đến xương hộp sọ, xung quanh xây xát da và bầm tụ máu KT(11x7)cm. Vùng đỉnh bên trái, cách đường giữa 6cm và sau đường chân tóc trán 9cm có vết rách da KT(2,5x0,5)cm, bờ mép nham nhở. Vùng trán bên trái, ngay dưới đường chân tóc trán, cách đường giữa 1,5cm có vết rách da KT(7x1,5)cm, xung quanh xây xát da trên diện (10x2)cm, bờ mép tương đối gọn, sâu đến xương hộp sọ. Sờ nắn thấy lục khục xương vùng cột sống cổ.

Giải phẫu vùng đầu theo vết rách da vùng trán đỉnh bên phải: Da và tổ chức dưới da bầm dập, bong tróc, KT(10x5)cm. Vỡ lún xương hộp sọ vùng trán đỉnh bên phải, diện vỡ xương đo được KT(8x5)cm.

Giải phẫu theo vết rách da vùng trán bên trái: Da và tổ chức dưới da bầm dập, bong tróc. Vỡ lún xương hộp sọ vùng trán bên trái, tương ứng với vết rách da, vết vỡ xương đo được, KT(5x1,5)cm.

Kết quả khám nghiệm phương tiện: 01 xe ô tô BKS 99C-129.39, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại HD210, loại xe tải có cần cẩu, màu sơn trắng, xe đã qua sử dụng, có các dấu vết sau: Phần mái trên nắp cabin buồng lái có dấu vết bẹp, lõm kim loại, tập trung chủ yếu ở góc phía sau bên cửa ghế lái chính trên diện (1,3x1,5)m, phía trên có các mảnh vỡ Fibro xi măng. Xem xét phần cần nâng có 06 đoạn đốt có thể gấp rút gọn, các đốt có dầu luyn màu đen bám quanh. Tại đầu vị trí đốt thứ nhất với đốt thứ hai (tính từ phía trụ) có vết cong vênh, cọ xát, bám dính chất màu xám xi trên diện (0,2x0,15)m. Trên đốt thứ 2,

tại góc cạnh trên phía bên phải (theo chiều của xe) vị trí nổi với đót thứ nhất có vết cọ xát, bám dính hợp chất màu trắng dài 0,6m và độ rộng là 0,01m.

Tại bản Kết luận giám định số 923/KL-KTHS ngày 03/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận: Nguyên nhân chết của Phạm Xuân Đ là chấn thương sọ não nặng. Thương tích dẫn đến cái chết của Phạm Xuân Đ là chấn thương sọ não nặng. Không đủ cơ sở kết luận vật gì gây nên thương tích của Phạm Xuân Đ và cơ chế hình thành.

Tại bản Kết luận giám định số: 2752/KL-KTHS ngày 10/5/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Khu vực sập đổ đầu tiên là khu vực nằm ở giữa khung kèo D1 và D2 về đầu phía Nam của nhà xưởng. Nguyên nhân đổ sập mái nhà xưởng do kết cấu của nhà xưởng không có các thanh giằng, các mối hàn liên kết không đảm bảo (Các mối hàn bị rỉ khí, lẫn xỉ, không ngẫu kim loại, đường hàn không liền mạch) nên trong quá trình thi công lợp mái, nhà xưởng bị rung lắc làm nứt, gãy các mối hàn, dẫn tới đổ sập mái nhà xưởng.

Tại công văn số 1677/SXD-TTr ngày 26/7/2024 của Sở xây dựng Bắc Ninh xác định: Để khởi công xây dựng công trình nêu trên, chủ đầu tư phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện để khởi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật xây dựng năm 2014 (sửa đổi bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020). Theo quy định trên, một trong các điều kiện để khởi công xây dựng công trình là chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do lô đất số CN 24 thuộc cụm công nghiệp 2, khu Ngô Khê, phường P, thành phố B không thuộc trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.

Kết luận giám định số 02/2024/KLGD-TTKĐ ngày 01/8/2024 của Trung tâm kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng – Sở xây dựng Bắc Ninh kết luận:

- Giám định các sai phạm trong xây dựng đối với công trình xây dựng nhà xưởng của Nguyễn Việt A: Chủ đầu tư công trình xây dựng nhà xưởng của anh Nguyễn Việt A, sinh năm 1995; HKTT: Dương Ô, Phong Khê, TP Bắc Ninh thuộc Cụm công nghiệp 2, khu Ngô Khê, phường P, thành phố B đã không thực hiện các quy định của pháp luật về lựa chọn các nhà thầu thiết kế, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng và thi công xây dựng công trình; không thực hiện các quy định của pháp luật xây dựng về việc lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế công trình; cấp phép xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng và thi công xây dựng công trình.

- Xác định trách nhiệm, sai phạm của Chủ đầu tư, Chủ thầu thi công, đơn vị thi công:

+ Đối với chủ đầu tư là cá nhân ông Nguyễn Việt A, sinh năm 1995; HKTT: Dương Ô, Phong Khê, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh thuộc Cụm công

nghiệp 2, khu Ngõ Khê, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Cá nhân ông Nguyễn Việt A chịu hoàn toàn trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng công trình theo quy định của pháp luật khi không thực hiện các quy định của pháp luật xây dựng về: Lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế công trình; cấp phép xây dựng công trình; giám sát và thi công xây dựng công trình. Không thực hiện các quy định của pháp luật về lựa chọn các nhà thầu thiết kế; thẩm tra, giám sát và thi công xây dựng đủ năng lực theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình này. Không giám sát và yêu cầu cá nhân ông Trần Ngọc T là người đảm nhận phần nhân công thi công xây dựng công trình thực hiện đầy đủ các nội dung về an toàn khi thi công theo thỏa thuận tại hợp đồng thi công xây dựng ký ngày 23/2/2024 giữa cá nhân ông Nguyễn Việt A và cá nhân ông Trần Ngọc T trong quá trình thi công xây dựng công trình.

+ Đối với cá nhân ông Trần Ngọc T, sinh năm 1982; HKTT: thôn Hòa Bình, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Cá nhân ông Trần Ngọc T là người ký hợp đồng đảm nhận phần nhân công thi công xây dựng công trình chưa thực hiện đầy đủ các nội dung về an toàn trong thi công xây dựng công trình theo thỏa thuận tại Hợp đồng thi công xây dựng ký ngày 23/02/2024 giữa cá nhân ông Nguyễn Việt A và cá nhân ông Trần Ngọc T. Chịu trách nhiệm về các nội dung theo thỏa thuận tại hợp đồng thi công xây dựng ký ngày 23/02/2024 giữa cá nhân ông Nguyễn Việt A và cá nhân ông Trần Ngọc T trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Tại công văn số 36/CV-TTr ngày 22/4/2024 của Thanh tra sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Bắc Ninh xác định: Ông Nguyễn Việt A là chủ đầu tư đã không xác định rõ trách nhiệm của người sử dụng lao động (nhà thầu) trong việc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động và không cử người để phối hợp kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động được quy định tại Điều 66 Luật an toàn, vệ sinh lao động.

Ông Trần Ngọc T là chủ sử dụng lao động (nhà thầu) thiếu trách nhiệm, đã không căn cứ vào các quy định pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động và điều kiện sản xuất, lao động để xây dựng, ban hành tổ chức thực hiện nội quy, quy trình đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động quy định tại Điều 15 Luật an toàn, vệ sinh lao động.

Ông Phạm Xuân Đ là thợ hàn, ông Trương Văn L là lái xe cầu, đều thuộc công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. Đòi hỏi ông Đ và ông L phải được huấn luyện về an toàn lao động và cấp thẻ an toàn. Ông Trần Ngọc T người sử dụng lao động đã không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ

sinh lao động quy định tại Điều 14 Luật an toàn, vệ sinh lao động. Vi phạm hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật an toàn, vệ sinh lao động.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 174/KL-HĐĐGTS ngày 18/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: Giá trị thiệt hại của xe ô tô BKS:99C-129.39 là 21.427.000đ.

Ngày 09/4/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ % thương tích của anh L nhưng anh L từ chối giám định.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Nguyễn Việt A, Trần Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Với nội dung trên, Cáo trạng số 10/CT-VKSTPBN ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố Nguyễn Việt A, Trần Ngọc T về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm a khoản 1 Điều 298 Bộ luật hình sự.

Quá trình xét hỏi tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Việt A khai nhận không xin giấy phép xây dựng, không có bản vẽ thi công, không có người giám sát thi công và việc nhà thầu không đủ điều kiện năng lực hành nghề nhưng do vì tiết kiệm các chi phí mà vẫn thuê thi công là vi phạm pháp luật. Bị cáo thừa nhận hành vi như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo đã biết sai và rất hối hận về hành vi của mình.

Bị cáo Trần Ngọc T khai nhận về việc không đăng ký kinh doanh, không có đủ năng lực và điều kiện hành nghề liên quan đến lĩnh vực xây dựng hay hàn xì và thừa nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo đã biết sai và rất hối hận về hành vi của mình.

Đại diện hợp pháp anh Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Trang xác nhận đã nhận số tiền bồi thường là 450.000.000 đồng nên không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh L vắng mặt. Tại cơ quan điều tra anh L xác nhận đã nhận bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Thạch vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Thạch xác nhận đã được bồi thường thiệt hại chi phí sửa xe nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố tại phiên toà sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Việt A, Trần Ngọc T về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm a khoản 1, Điều 298; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Việt A từ 18 tháng đến 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 tháng đến 44 tháng.

Bị cáo Trần Ngọc T từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Về vật chứng: Không.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

- Ý kiến các bị cáo: Nhất trí về tội danh, mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đưa ra.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã ăn năn về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/3/2024, tại nhà xưởng ở thửa đất số CN 24, cụm công nghiệp Phong Khê, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Việt A không lập hồ sơ xin cấp phép xây dựng, không lập hồ sơ thiết kế được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trước khi khởi công, không thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực thực hiện việc giám sát thi công xây dựng công trình, ký hợp đồng xây dựng với cá nhân không đủ điều kiện hoạt động xây dựng mà vẫn thuê Trần Ngọc T thực hiện việc thi công dựng khung, lợp mái nhà xưởng. Trần Ngọc T tiến hành xây dựng nhưng không đủ năng lực thi công xây dựng, không yêu cầu Việt A cung cấp hồ sơ thiết kế theo quy định, thi công xây dựng không thực hiện đầy đủ các nội dung về an toàn trong thi công xây dựng dẫn đến khung nhà xưởng bị gãy, sập. Hậu quả: Anh Đ tử vong, anh L bị thương.

Với hành vi trên, bị cáo Nguyễn Việt A đã vi phạm quy định tại Điều 12, khoản 1 Điều 107, khoản 2 Điều 112 Luật xây dựng năm 2014. Bị cáo Trần Ngọc T đã vi phạm Điều 12, khoản 2 Điều 113 Luật xây dựng 2014. Hành vi bị cáo Việt A, T gây hậu quả làm chết một người đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 298 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định về xây dựng và đảm bảo an toàn trong xây dựng đồng thời xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng luật hình sự mới đảm bảo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, nhân thân của bị cáo:
Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều là đối tượng có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần phạm tội này của bị cáo là phạm tội lần đầu. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã chủ động bồi thường cho gia đình bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo HĐXX xét thấy không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có công ăn việc làm và nơi cư trú ổn định. Hội đồng xét xử thấy rằng, đủ điều kiện giám sát giáo dục bị cáo tại địa phương để trở thành người có ích cho xã hội. Do vậy, cần có mức hình phạt thích đáng đối với bị cáo nhưng áp dụng chế định án treo đối với bị cáo là phù hợp. Bị cáo Việt A là chủ đầu tư nhưng không đảm bảo về việc thi công ngay từ ban đầu nên cần có hình phạt cao hơn so với bị cáo T.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều phạm tội với lỗi vô ý và đều đã khắc phục toàn bộ thiệt hại nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về tang vật chứng: 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, loại xe có cần cẩu, BKS: 99C-129.39 đã qua sử dụng là của chị Nguyễn Thị T. Ngày 25/4/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B trả lại chị Thạch là phù hợp

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho chị Trang là đại diện hợp pháp bị hại số tiền 450.000.000 đồng. Chị Trang xác nhận đã nhận và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh L đã được các bị cáo bồi thường 15.000.000 đồng. Chị Thạch đã được bồi thường về chi phí sửa chữa xe ô tô là 30.000.000 đồng. Anh L, chị Thạch đều không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 298, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 330, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt A, Trần Ngọc T phạm tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”.

Xử phạt: Nguyễn Việt A 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trần Ngọc T 16 (Mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 32 (hai mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Việt A, Trần Ngọc T cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Việt A, Trần Ngọc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc kể từ ngày niêm yết kết quả bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Công an Tp. Bắc Ninh;
- THA dân sự Tp. Bắc Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thanh Ngọc

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Đinh Mai Vân

Nguyễn Văn Duyên

Đỗ Thanh Ngọc